

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI: NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ NỘI DUNG CẦN TIẾP TỤC BỔ SUNG, HOÀN THIỆN

ThS VŨ ANH TUẤN
Ban Đối ngoại Trung ương Đảng

♦ **Tóm tắt:** Đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI (1986) của Đảng và tiếp tục được bổ sung, phát triển, hoàn thiện qua nhiều kỳ Đại hội. Bài viết làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng về đường lối đối ngoại và đề xuất những nội dung cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

♦ **Từ khóa:** Đường lối đối ngoại; Lý luận về đường lối đối ngoại; Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày nhận: 15-11-2024

Ngày thẩm định: 30-11-2024

Ngày duyệt đăng: 15-04-2025

1. Những giá trị cốt lõi trong đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới

Thứ nhất, về mục tiêu đối ngoại

Trong thời kỳ đổi mới, việc xác định *mục tiêu đối ngoại* của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn dựa trên cơ sở *lợi ích quốc gia dân tộc*, đồng thời, quan tâm đúng mức đến *nghĩa vụ quốc tế* của Đảng với tư cách một Đảng Cộng sản cầm quyền. Đại hội X của Đảng nêu rõ, “lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất”¹. Đặc biệt, tại Cương lĩnh năm 2011, lần đầu tiên, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu hàng đầu và nguyên tắc cao nhất của hoạt động đối ngoại là: “vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”². Đến Đại hội XII và XIII của Đảng, mục tiêu đối ngoại được khẳng định rõ hơn: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc”³. Điều này cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định dân tộc là nhân tố trung tâm, nền tảng trong hoạch định và triển khai

chính sách đối ngoại; khẳng định sự thống nhất và hòa quyền giữa lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc.

Thứ hai, về tư tưởng chỉ đạo đối ngoại

Xuất phát từ lợi ích và mục tiêu đối ngoại đã được xác định, *tư tưởng chỉ đạo đối ngoại* được Đảng khẳng định là *giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và CNXH*, đồng thời, *phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp* với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng mà Việt Nam có quan hệ. Đại hội X của Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình và hợp tác phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”⁴. Quan điểm trên được Đại hội XI của Đảng kế thừa, bổ

sung và phát triển toàn diện hơn: “Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁵. Trong tình hình mới, mục tiêu “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ *đối ngoại*; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”⁶ tiếp tục được Đại hội XII và XIII của Đảng nhấn mạnh; đồng thời, khẳng định rõ hơn: cần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế⁷.

Thứ ba, về nguyên tắc *đối ngoại*

Đường lối và chính sách *đối ngoại* của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn dựa trên sự kiên trì và giữ vững nguyên tắc *đối ngoại* cơ bản, bao trùm là *vì hòa bình, độc lập, thống nhất và CNXH, bảo đảm lợi ích tối cao* của quốc gia - dân tộc, đặt *lợi ích* quốc gia - dân tộc lên hàng đầu. Đại hội IX của Đảng nêu rõ 4 nguyên tắc *đối ngoại* chủ yếu, gồm: i) tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; ii) không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; iii) Bình đẳng và cùng có lợi; iv) Giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình...⁸. Đến Đại hội XI, Đảng ta đã làm rõ hơn thành 05 nguyên tắc chính: i) *Vì lợi ích quốc gia - dân tộc*. Đây là nguyên tắc xuyên suốt của *đối ngoại* Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích quốc gia mà làm”⁹ và “Phải luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ”. Cương lĩnh năm 1991 khẳng định:

“Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân”. Đến Đại hội XI, lần đầu tiên mục tiêu *đối ngoại* “vì lợi ích quốc gia, dân tộc”¹⁰ đã được nêu rõ; ii) *Độc lập tự chủ gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế*. Bản chất tư duy chiến lược của *đối ngoại* Việt Nam từ truyền thống tới hiện đại là độc lập, tự chủ, gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế. Đại hội VII nêu quan điểm “muốn là bạn”; Đại hội VIII phát triển lên “sẵn sàng là bạn”; Đại hội IX “là bạn và đối tác tin cậy”; Đại hội XI “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”¹¹. Điều trên cho thấy, độc lập, tự chủ và tự lực, tự cường luôn là tư tưởng nổi bật, là một phần rất quan trọng của bản sắc *đối ngoại* Việt Nam và trở nên rất giá trị và cần thiết trong tình hình thế giới biến động như hiện nay; iii) *Dĩ bất biến ứng vạn biến*. Đây là nguyên tắc, phương châm và đặc trưng nổi bật của *ngoại giao* Việt Nam. Theo đó, lấy cái không thay đổi (bất biến) để ứng phó với muôn sự thay đổi (vạn biến) là nguyên tắc xuyên suốt. Trong đó, cái “bất biến” là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhân dân và chế độ XHCN; cái “vạn biến” là cách ứng phó linh hoạt, mềm dẻo, thậm chí có thể chấp nhận hoà hoãn tạm thời trong xử lý từng vấn đề; iv) *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực*. Nguyên tắc này chỉ rõ, thực lực là nhân tố quan trọng quyết định vị thế *đối ngoại*, tuy nhiên, nếu biết tận dụng khéo léo, một nước vừa và nhỏ vẫn có thể phát huy vị thế cao hơn từ thực lực hạn chế, từ đó tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước; v) *Tranh thủ thời cơ chiến lược và tự tạo ra thời cơ chiến lược cho đất nước*. Theo đó, vấn đề tận dụng thời cơ và tự tạo thời cơ có vai trò rất quan trọng trong công tác *đối ngoại*. Điều này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ và minh chứng trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người.

Thứ tư, về nhiệm vụ *đối ngoại*

Cùng với việc khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đại hội VI của Đảng cũng mở đầu quá trình hình thành chính sách *đối ngoại* thời kỳ đổi mới. Theo đó, tranh thủ điều kiện quốc tế

thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ xuyên suốt, quan trọng. Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị khóa VI (1988) là bước ngoặt, có tính đột phá về đổi mới tư duy đối ngoại, đánh dấu sự hình thành bước đầu chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa. Với nhận thức mới đúng đắn, toàn diện hơn về vấn đề an ninh quốc gia, nhiệm vụ đối ngoại đã chuyển từ chỗ chú trọng nhân tố chính trị - quân sự sang ưu tiên nhân tố kinh tế, ưu tiên giữ vững hòa bình, độc lập dân tộc, cũng như có cách tiếp cận toàn diện hơn về tình hình thế giới và khu vực. Chính sách đối ngoại “thêm bạn, bớt thù”; nhấn mạnh chủ trương phát triển quan hệ với tất cả các nước có chế độ chính trị khác nhau trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau... ngày càng được thể hiện rõ qua các kỳ Đại hội của Đảng¹². Đại hội XII của Đảng khẳng định, cần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước¹³. Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: tăng cường “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”¹⁴.

Thứ năm, phương châm hoạt động đối ngoại

Thực hiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới, Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (6-1992) đã đề ra *bốn phương châm* xử lý trong quan hệ đối ngoại, gồm: i) *Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn* chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Lợi ích cao nhất của dân tộc, của Đảng ta là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, ra sức phát triển nhanh về kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Đồng thời, luôn coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước XHCN, các phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, các phong trào không liên kết và các lực lượng hoà bình, tiến bộ khác trên thế giới, theo khả năng thực tế của đất nước, phù hợp với sự chuyển biến của

tình hình thế giới. Đây là yêu cầu quan trọng trong hoạt động đối ngoại đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định; ii) *Giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá* quan hệ đối ngoại; đồng thời, phát huy sức mạnh bên trong là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là điều kiện để mở rộng và nâng cao uy tín quốc tế của đất nước. Tuy nhiên, độc lập tự chủ không có nghĩa là biệt lập, mà cần đồng thời đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế để mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ tối đa các điều kiện bên ngoài thuận lợi cho công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước; iii) *Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế*. Đây là một trong những nhận thức mới của Đảng ta. Theo đó, đấu tranh nhằm thúc đẩy hợp tác, tránh trực diện đối đầu, không để cho các thế lực thù địch đẩy vào thế bị cô lập, đặc biệt là tránh bị xung đột quân sự hoặc bị khiêu khích vũ trang. Tiêu chí để xác định hướng hợp tác hay đấu tranh chính là lợi ích dân tộc chân chính; iv) *Tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ* với tất cả các nước. Phương châm này thể hiện chính sách nhất quán của Đảng ta trong mở rộng quan hệ quốc tế, góp phần vào hoà bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Đến Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam *bổ sung thêm 3 phương châm* đối ngoại. Một là, “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”. Bên cạnh phương châm “đa phương hóa, đa dạng hóa” kế thừa xuyên suốt từ Đại hội VII, phương châm đối ngoại “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” được nêu ra tại Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (2003) và Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI (2013) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới* cũng như nhiều kỳ Đại hội sau này. Hai là, “kiên quyết, kiên trì” trong bảo vệ Tổ quốc. Theo đó, cần “kiên quyết”, không nhượng bộ trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, song việc bảo vệ này cần “kiên trì”, không thể nóng vội, vì có thể dẫn đến sai lầm chiến lược, gây nguy hại đến môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển của đất nước. Ba là, “chủ động, tích cực” trong quan hệ đối ngoại. Đại hội XI yêu cầu, cần “Chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định

hình các thể chế đa phương”; “chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên Hợp quốc”; và, “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực và có trách nhiệm trong ASEAN”. Đây là phương châm của Việt Nam tham gia các hoạt động đối ngoại đa phương nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung.

Thứ sáu, phương hướng hoạt động đối ngoại chủ yếu

Một là, đẩy mạnh đối ngoại song phương theo hướng: i) Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng (hướng ưu tiên hàng đầu trong hoạt động đối ngoại, nhằm tạo lập môi trường hòa bình, ổn định khu vực); ii) Đối với các nước lớn, cần tăng cường ưu tiên đối ngoại theo hướng đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn mối quan hệ, đưa khuôn khổ quan hệ đã được xác lập vào thực chất, nhất là đối với các nước có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và an ninh quốc gia. Đẩy mạnh và tích cực làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy...

Hai là, nâng tầm đối ngoại đa phương theo hướng: i) Chủ động tham gia và tăng cường vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ở ASEAN; UN; APEC; hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế; trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể; ii) Chủ động, tích cực tham gia cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc...; Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia...; Nhận thức đúng về xu thế thời đại và cục diện thế giới, khu vực. Như vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có định hướng chỉ đạo và các chính sách đúng đắn, kịp thời trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc; nhiều chủ trương, giải pháp xử lý các vấn đề phức tạp, trong đó có vấn đề biên Đông, đã tạo được sự đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân và được dư luận quốc tế ủng hộ, v.v..¹⁵.

2. Những vấn đề đặt ra cần được bổ sung, hoàn thiện trong lý luận về đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ nhất: Những vấn đề đặt ra

Việc triển khai đường lối đối ngoại tại Đại hội VI của Đảng đã và đang gặt hái những thành công to lớn. Tuy nhiên, từ Đại hội XI đến nay, môi trường quốc tế tiếp tục biến đổi rất nhanh chóng và phức tạp; cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ; xu thế bảo hộ thương mại và chủ nghĩa dân tộc kinh tế trỗi dậy; cạnh tranh cường quốc ngày càng gay gắt; an ninh quốc gia và quốc tế xuất hiện những thách thức mới phức tạp... Những đặc điểm trên đang đặt ra những vấn đề nhất định trong đường lối đối ngoại của Việt Nam hiện nay, như:

i) Đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa có cần được điều chỉnh hay không, quan hệ với các nước lớn cần tiếp tục như thế nào? và tác động của cạnh tranh Trung - Mỹ hiện nay có thể rút ra những bài học gì và cần được xử lý ra sao?

ii) Trong bối cảnh kinh tế số, áp lực cạnh tranh quốc tế sẽ ngày càng gay gắt, thời cơ bứt phá và nguy cơ tụt hậu cũng ngày càng lớn hơn. Hội nhập quốc tế cần có điều chỉnh gì cho phù hợp với bối cảnh mới. Việt Nam ứng xử như thế nào với toàn cầu hóa, với xu thế bảo hộ mậu dịch, với bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Việt Nam xử lý thế nào mối quan hệ giữa thị trường quốc tế với thị trường nội địa; giữa hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nội địa với tạo thuận lợi thu hút FDI. Mô hình thu hút FDI và hướng về xuất khẩu hiện nay có gì cần điều chỉnh.

iii) Bối cảnh mới đặt ra cho chúng ta phải nhận thức đầy đủ về những nguy cơ thách thức an ninh mới đối với an ninh quốc gia nói chung và an ninh kinh tế nói riêng khi hội nhập quốc tế trong môi trường không gian mạng và sự kết nối số. Từ đó, phải xem việc đối phó với những thách thức an ninh mới là một mặt trận then chốt đối với ổn định và phát triển của đất nước trong thời kỳ tới.

Những vấn đề trên đã được Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt, có lúc chưa theo kịp diễn biến của tình hình, chưa lường hết được tác động bất lợi. Chưa khai thác tốt và phát huy hiệu quả của các

quan hệ lợi ích đan xen với các đối tác quan trọng. Sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong công tác đối ngoại chưa thật chặt chẽ và thường xuyên”¹⁶. Do vậy, định hướng đối ngoại giai đoạn 2021-2030 cần: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”¹⁷.

Thứ hai: Khuyến nghị một số nội dung cần được bổ sung, hoàn thiện trong lý luận về đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới.

Một là, cần xử lý tốt mối quan hệ song phương với các nước lớn và tạo đan xen lợi ích với các đối tác quan trọng, không chỉ dựa quan hệ đi vào chiều sâu, mà còn tranh thủ nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi để triển đất nước.

Hai là, phải chủ động tìm hiểu và tham gia vào các nỗ lực quốc tế, các cơ chế, sáng kiến hợp tác, liên kết quốc tế, khu vực, đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp chính sách với các quốc gia trên cả bình diện song phương và đa phương trên các lĩnh vực liên quan đến phát triển kinh tế số và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ liên quốc gia từ quá trình phát triển kinh tế số hiện nay.

Ba là, cần chủ động và tích cực triển khai những nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại trong Chương trình hành động của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách lớn để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, cần xây dựng các kế hoạch cụ thể cho hoạt động ngoại giao kinh tế tại cơ quan đại diện ở nước ngoài với các chương trình công tác quý và dự kiến ngân sách định kỳ; xây dựng Đề án quảng bá hình ảnh Việt Nam, kể cả việc tổ chức Ngày Việt Nam ở nước ngoài...

Bốn là, cần xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ngoại giao trong quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại; mối quan hệ giữa Bộ Ngoại giao với Ủy ban Quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế và với các bộ, ngành hữu quan khác. Đặc biệt, cần nâng cao nhận thức đối với yêu cầu tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cơ quan đại diện trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại trong tình hình mới. Các bộ, ngành hữu quan khác cần tăng cường phối, kết hợp để ngành

ngoại giao có thể thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ phát triển đất nước.

Năm là, Bộ Ngoại giao cần phát huy vai trò, thế mạnh đặc thù để tham mưu, tư vấn, thông tin cho các các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong một số lĩnh vực cụ thể sau: i) Nghiên cứu, kiến nghị kịp thời về kinh nghiệm, chính sách, chiến lược, luật lệ kinh tế của nước sở tại và nước kiềm nhiệm để phục vụ việc hoạch định chính sách trong nước; ii) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thỏa thuận và cam kết quốc tế; tạo điều kiện thuận lợi cho xuất nhập cảnh và giải quyết các thủ tục lãnh sự; làm tốt công tác cộng đồng, huy động tối đa các nguồn lực ở nước ngoài đầu tư và kinh doanh trong nước; iii) Phát huy lĩnh vực thế mạnh của ngành ngoại giao để vận động (lobby) ở nước ngoài; Xây dựng mạng lưới các đối tác gồm các cơ quan xúc tiến đầu tư, công ty tư vấn thị trường, các doanh nghiệp có quan hệ kinh doanh hoặc quan tâm đến thị trường Việt Nam; iv) Đồng hành cùng địa phương và doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; giúp các doanh nghiệp trong vận động và đấu thầu; Góp phần giải quyết khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, địa phương khi thực hiện các hoạt động kinh doanh ở nước ngoài; v) Phối hợp với các bộ, ngành tăng cường công tác thông tin cho địa phương và doanh nghiệp về tiềm năng thị trường như các ngành, lĩnh vực có cơ hội hợp tác, đặc điểm thị trường, tập quán kinh doanh.

Sáu là, xây dựng một chiến lược hội nhập quốc tế mới trong thời đại kinh tế số, thực hiện “đổi mới”, “mở cửa” và “hội nhập” vào thị trường kinh tế số toàn cầu, đi đôi với kích thích phát triển và hỗ trợ đúng mức để nuôi dưỡng và thúc đẩy các doanh nghiệp số nội địa không ngừng lớn mạnh. Để tạo đòn bẩy và sự thuận lợi cho việc triển khai thành công đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế số thì yếu tố nội lực, sức mạnh quốc gia và sự chuẩn bị các điều kiện trong nước có vai trò đặc biệt quan trọng. Đồng thời, cần quan tâm thúc đẩy cải cách và số hóa những cơ quan, lĩnh vực hoạt động liên quan đến đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế; phải trang bị kiến thức, thống nhất về tư tưởng và hành động cho cán bộ, đảng viên về nền

kinh tế số; làm rõ cơ hội và thách thức của Việt Nam trong đối ngoại và hội nhập quốc tế trong môi trường kinh tế số, từ đó làm chuyển biến mạnh mẽ tư duy lãnh đạo quản lý và điều hành kinh tế - xã hội trong điều kiện nền kinh tế số.

Bảy là, tiếp tục gắn kết nhuần nhuyễn ba trụ cột chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hóa đối ngoại, giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh, để tạo sức mạnh tổng hợp của hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển đất nước. Từ nay đến năm 2030, hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển đất nước là một trọng tâm ưu tiên của Việt Nam. Vì vậy, phải tận dụng tất cả các trụ cột của ngoại giao để phục vụ cho phát triển. Trong đó, *ngoại giao kinh tế* là trụ cột, là trọng yếu và là một yếu tố quan trọng nhất phục vụ phát triển; *ngoại giao chính trị* tạo dựng môi trường ổn định, hòa bình là một trụ cột quan trọng cho phát triển, thông qua tạo dựng mối quan hệ với các đối tác phục vụ cho hợp tác kinh tế; *ngoại giao văn hóa* qua việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng để thu hút du lịch, qua đó phục vụ phát triển.

Tám là, tăng cường tham khảo, học tập kinh nghiệm từ những mô hình ngoại giao kinh tế đã thành công của các nước trong khu vực và trên thế giới, qua đó có phương án tổ chức thành lập Văn phòng Kinh tế Việt Nam (gồm các đại diện của các bộ có liên quan) tại một số địa bàn chủ chốt; nghiên cứu xây dựng và triển khai các mạng xã hội về ngoại giao kinh tế có tương tác... Đồng thời, cần tiếp tục công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại, không để bị động, bất ngờ. Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; chủ động thích ứng trước chuyển biến của tình hình; tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các kênh và các cơ quan đối ngoại; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của

Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân □

^{1,4} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, H., 2006, tr.114; 112.

^{2,5,10,11} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.236; 83-84; 236; 236.

^{3,7,14;15,16,17} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG, H., 2021, tập I, tr.161; 162; 162; 163; 88; 117-118.

^{6,13} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H., 2016, tr.153; 153

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, H., 2001, tr.120.

⁹ Vũ Khoan: *Hai mươi năm đổi mới trong lĩnh vực đối ngoại*, in trong sách: *Việt Nam: 20 năm đổi mới*, Nxb. CTQG, H., 2006; tr.431.

¹² Như: Tại Đại hội VIII của Đảng (1996), trên cơ sở thể và lực mới của Việt Nam, lần đầu tiên nêu nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo hướng *xây dựng nền kinh tế mới, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới*. Đây là điểm khởi đầu quan trọng cho một chủ trương đối ngoại lớn và xuyên suốt của Đảng là hội nhập kinh tế quốc tế (và đến nay là hội nhập quốc tế). Đại hội IX của Đảng (2001) lần đầu tiên Đảng ta đưa ra chủ trương *chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập, tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Đại hội X của Đảng (2006) bổ sung quan điểm hội nhập quốc tế với chủ trương *chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*. Đến Đại hội XI của Đảng (2011): “Giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.236) là yêu cầu xuyên suốt. Tiếp đó, Đại hội XII của Đảng (2016) đã xác định và cụ thể hơn: “giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹³ (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H., 2016, tr.153).